

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI



QUY CHẾ
TUYỂN SINH, TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1202/QĐ-ĐHCN ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Hà Nội, 12/2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ
tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội**

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số 945/QĐ-TTg ngày 04/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4811/QĐ-BCT ngày 29/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Xét đề nghị của ông Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trái với Quy định này đều được bãi bỏ.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học, Trưởng các Khoa đào tạo, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, SDH.



PGS.TS. Trần Đức Quý

QUY CHẾ

**Tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ
tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 000/QĐ-ĐHCN ngày 28 tháng 4 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định chi tiết về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ, cấp bằng tiến sĩ nhằm cụ thể hóa các quy định của Quy chế về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Quy chế này áp dụng đối với các Khoa, Trung tâm, Trường (sau đây gọi chung là Đơn vị chuyên môn) thuộc, trực thuộc Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (sau đây gọi là Trường), các tổ chức và cá nhân liên quan trong quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ, cấp bằng tiến sĩ của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

3. Quy chế này không áp dụng đối với việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo những chương trình ở trình độ tiến sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng (bao gồm cả các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục).

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội xây dựng, thẩm định và ban hành đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

a) Khối lượng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ:

Tối thiểu 90 tín chỉ đối với NCS có bằng tốt nghiệp thạc sĩ, trong đó phải đảm bảo: Tối thiểu 80% nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ; Tối đa 16 tín chỉ các học phần tiến sĩ bắt buộc hoặc tự chọn.

Tối thiểu 120 tín chỉ đối với NCS có bằng tốt nghiệp đại học, trong đó phải đảm bảo: Tối thiểu 30 tín chỉ các học phần bắt buộc hoặc tự chọn thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ của ngành đào tạo tiến sĩ (gọi là học phần bổ sung); Tối đa 16 tín chỉ các học phần tiến sĩ bắt buộc hoặc tự chọn; Tối thiểu 80% nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ (không tính trên tín chỉ của các học phần bổ sung).

b) Cấu trúc chương trình: Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ gồm 2 hoặc 3 phần: Phần 1-Các học phần bổ sung; Phần 2-Các học phần trình độ tiến sĩ; Phần 3-Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ. Căn cứ vào trình độ đầu vào

(Văn bằng và bảng điểm) của từng NCS, đơn vị chuyên môn sẽ xác định các học phần bổ sung (nếu cần thiết) để Hiệu trưởng phê duyệt.

c) Các học phần bổ sung: Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ: Căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu đơn vị chuyên môn sẽ xác định số học phần và khối lượng tín chỉ NCS cần phải học bổ sung (nếu cần) để Hiệu trưởng duyệt;

Đối với NCS có bằng đại học: Các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành tương ứng trừ các học phần Thực tập và Đề án tốt nghiệp/Luận văn thạc sĩ; có khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ để đảm bảo NCS đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực đề tài nghiên cứu.

NCS phải hoàn thành các học phần bổ sung trong 12 tháng kể từ ngày công nhận NCS đối với các NCS có bằng thạc sĩ hoặc 24 tháng đối với các NCS có bằng đại học.

d) Các học phần trình độ tiến sĩ, nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

Mỗi NCS phải hoàn thành các học phần trình độ tiến sĩ với khối lượng tối đa 16 tín chỉ. Các học phần trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu.

Tiểu luận tổng quan yêu cầu NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục tiêu/câu hỏi và nhiệm vụ/nội dung nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Tiểu luận tổng quan là bắt buộc.

Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu NCS nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Các chuyên đề tiến sĩ là bắt buộc.

Hiệu trưởng giao cho Trung tâm Đào tạo sau đại học (TT.ĐTSDH) công bố công khai trước khi khai giảng mỗi khóa đào tạo trình độ tiến sĩ, các nội dung sau: Danh mục, mục tiêu, yêu cầu và nội dung chương trình đào tạo với các học phần trình độ tiến sĩ, các chương trình đào tạo của từng ngành/chuyên ngành đào tạo; Cách đánh giá và yêu cầu điểm hoàn thành cho mỗi môn học; Cách báo cáo, cách đánh giá các báo cáo chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan của NCS.

2. Nghiên cứu khoa học là thành phần chính yếu và bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, được quy định chi tiết tại Điều 9 của Quy chế này. Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong luận án tiến sĩ và những công bố khoa học có liên quan của NCS.

Điều 3. Thời gian và hình thức đào tạo

1. Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 03 năm (36 tháng); đối với người có bằng đại học là 04 năm (48 tháng). Thời gian đào tạo được tính từ ngày Quyết định công nhận NCS; mỗi NCS có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn phê duyệt kèm theo quyết định công nhận NCS (theo mẫu tại Phụ lục I).

2. NCS được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận NCS có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Trung tâm Đào tạo Sau đại học (TT.ĐTSDH), trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

3. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; NCS phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại Trường theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

Điều 4. Tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ phải đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ (sau đây gọi chung là tác giả chính) của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành;

c) Đối với giảng viên giảng dạy những chương trình thuộc lĩnh vực nghệ thuật có thể thay thế yêu cầu tại điểm b khoản này bằng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân do nhà nước trao tặng.

Điều 5. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn NCS

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập NCS phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn NCS, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế; hoặc của ít nhất 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

3. Mỗi NCS có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Trường hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Trường với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của NCS.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn NCS

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), theo quy chế của Trường và theo quy định pháp luật liên quan.

2. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 NCS; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 NCS; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 NCS. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 NCS được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 NCS.

3. Người hướng dẫn NCS có trách nhiệm:

- a) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hằng năm của NCS; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc NCS thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua;
- b) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của NCS;
- c) Đề xuất để NCS được đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;
- d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy chế của Trường.

Chương II TUYỂN SINH

Điều 7. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

- a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;
- b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;
- c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;
- d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa, nội dung trình bày: Tên lĩnh vực đề tài nghiên cứu, tên ngành đào tạo và mã ngành; Lý do lựa chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu; Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký đi học NCS; Lý do lựa chọn Trường làm nơi đào tạo; Kế hoạch học tập nghiên cứu toàn khóa để đạt mục tiêu; Những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết và dự kiến của thí sinh trong lĩnh vực dự định nghiên cứu; Các kết quả nghiên cứu, danh mục các công trình đã có.

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;
- b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
- c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy

chế này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố.

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Ngoại ngữ hai được quy định: Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II.

Điều 8. Tuyển sinh và công nhận NCS

1. Việc tuyển sinh được tổ chức một hoặc nhiều lần trong năm do Trường quyết định.

2. Phương thức tuyển sinh là xét tuyển, trong quá trình thực hiện bảo đảm đánh giá minh bạch, công bằng, khách quan và trung thực về kiến thức, năng lực của người dự tuyển. Trường được tổ chức tuyển sinh theo hình thức trực tuyến khi đáp ứng những điều kiện đảm bảo chất lượng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

3. Thông báo tuyển sinh: Trước mỗi kỳ tuyển sinh ít nhất 30 ngày làm việc, TT. ĐTSĐH ra thông báo tuyển sinh trình Chủ tịch HĐTS phê duyệt và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường/TT.ĐTSĐH, nội dung bao gồm:

- a) Đối tượng và điều kiện dự tuyển;
- b) Ngành tuyển sinh và yêu cầu chuyên môn phù hợp;
- c) Chỉ tiêu tuyển sinh; hồ sơ dự tuyển;
- d) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố trúng tuyển và thời gian nhập học;
- e) Học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho NCS trong quá trình học tập (nếu có);
- f) Các thông tin cần thiết khác.

4. Quyền và trách nhiệm của các bên liên quan đến hoạt động tổ chức tuyển sinh.

a) Hội đồng tuyển sinh: Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS), thành phần gồm: Chủ tịch hội đồng (Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền), Phó chủ tịch hội đồng (Phó hiệu trưởng); Ủy viên thường trực (Giám đốc hoặc Phó Giám đốc TT. ĐTSĐH); Các ủy viên (Trưởng/Phó đơn vị chuyên môn của chuyên ngành có thí sinh đăng ký dự tuyển). Những người có người thân (bao gồm: vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho HĐTS. HĐTS có trách nhiệm: Thông báo tuyển sinh; Tiếp nhận hồ sơ dự

tuyển; Tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; Tổng kết công tác tuyển sinh (quyết định khen thưởng, kỷ luật), lập báo cáo tổng hợp.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS: Phổ biến hướng dẫn, tổ chức thực hiện các nội dung về tuyển sinh theo quy chế này; Quyết định và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng toàn bộ các công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy chế này; Đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được thí sinh có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của Trường; Quyết định thành lập các ban giúp việc cho HĐTS (Ban thư ký và các tiểu ban chuyên môn).

c) Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh: Trưởng ban thư ký là ủy viên thường trực HĐTS kiêm nhiệm và các ủy viên. Ban thư ký HĐTS có trách nhiệm và quyền hạn: Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển; Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh gửi tới tiểu ban chuyên môn; Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, tổng hợp và trình Chủ tịch HĐTS xem xét; Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho các thí sinh dự tuyển.

d) Trách nhiệm của trưởng ban thư ký: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐTS trong việc điều hành công tác của Ban thư ký.

e) Tiểu ban chuyên môn: Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các người dự tuyển, Ban thư ký đề nghị các đơn vị chuyên môn đề xuất danh sách các Tiểu ban chuyên môn trình Chủ tịch HĐTS quyết định. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS có ít nhất 05 người, là cán bộ khoa học, giảng viên của Trường hoặc ngoài Trường do HĐTS mời (nếu cần), am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của người dự tuyển. Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng tiểu ban và các thành viên. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét, đánh giá: hồ sơ dự tuyển, dự thảo đề cương nghiên cứu, dự kiến kế hoạch học tập nghiên cứu, kinh nghiệm nghiên cứu của người dự tuyển; Tổng hợp kết quả đánh giá gửi về Ban thư ký HĐTS; Chịu trách nhiệm trước HĐTS về chất lượng và tiến độ xét tuyển.

5. Quy trình xét tuyển NCS

Bước 1: Thành viên Tiểu ban chuyên môn xem xét, phân loại người dự tuyển thông qua hồ sơ dự tuyển, chất lượng bảo vệ đề cương nghiên cứu theo thang điểm đánh giá do Trường quy định, bao gồm: Cơ sở đào tạo và ngành tốt nghiệp đại học, thạc sĩ; Kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; Trình độ ngoại ngữ; Thành tích nghiên cứu khoa học; Kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; Chất lượng đề cương nghiên cứu; Ý kiến đánh giá về người dự tuyển trong 02 thư giới thiệu; Chất lượng và trình độ của người dự tuyển thông qua bảo vệ đề cương.

Bước 2: Người dự tuyển trình bày dự định nghiên cứu trước tiểu ban chuyên môn. Vấn đề dự định nghiên cứu của người dự tuyển phải phù hợp với

các lĩnh vực mà đơn vị chuyên môn đang thực hiện; có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý hướng dẫn.

Bước 3: Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi để đánh giá người dự tuyển, về các mặt: Năng lực chuyên môn, nghiên cứu; Tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng và khả năng trình bày về các mục tiêu, mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ; Tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn và những tư chất cần có của một NCS;

Bước 4: Thư ký của Tiểu ban chuyên môn tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên (có văn bản đánh giá của từng thành viên kèm theo), lập danh sách người dự tuyển xếp thứ tự theo điểm từ cao xuống thấp và chuyển kết quả cho Ban thư ký.

Bước 5: Ban thư ký có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho HĐTS. HĐTS căn cứ chỉ tiêu, kết quả xếp loại người dự tuyển, yêu cầu của các hướng nghiên cứu, năng lực của người hướng dẫn,... xác định danh sách thí sinh trúng tuyển.

6. Điều kiện trúng tuyển

Đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 của Quy chế này.

Điểm trung bình đánh giá hồ sơ và điểm trung bình đánh giá định hướng nghiên cứu phải đạt $\geq 50/100$ điểm.

Số lượng người dự tuyển được lựa chọn theo thứ tự từ cao đến thấp theo chỉ tiêu tuyển sinh.

Trường hợp có nhiều thí sinh cùng mức điểm xét tuyển thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên:

- Điểm trung bình chấm trình bày định hướng nghiên cứu;
- Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới và mục d khoản 1 Điều 17 của Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT về xây dựng chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong đào tạo thạc sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.
- Người dân tộc thiểu số;
- Bản thân là thương binh, bệnh binh; là con đẻ của người liệt sĩ, thương binh.

7. Công nhận trúng tuyển và công nhận NCS

Sau khi có kết quả từ HĐTS, Trưởng ban thư ký trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách trúng tuyển. TT.ĐTSĐH thông báo đến các thí sinh trúng tuyển đến làm các thủ tục nhập học.

Trên cơ sở danh sách nhập học, TT.ĐTSĐH trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận NCS. Quyết định công nhận NCS phải có đầy đủ thông tin bao gồm: Tên NCS, ngành đào tạo, tên đề tài luận án dự kiến, người hướng dẫn hoặc

đồng hướng dẫn, đơn vị chuyên môn quản lý NCS, thời gian đào tạo kèm theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của NCS.

8. Trong quá trình tổ chức tuyển sinh, Trường phải thực hiện việc kiểm tra, thanh tra và giám sát nội bộ theo Quy trình kiểm tra, thanh tra và giám sát tuyển sinh và nhập học hiện hành của Trường.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 9. Tổ chức hoạt động đào tạo

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được triển khai theo hình thức chính quy quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này ở trụ sở chính hoặc tại phân hiệu đã được phép hoạt động đào tạo của Trường, trừ một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu, thí nghiệm hoặc đào tạo trực tuyến có thể được thực hiện ở ngoài cơ sở theo quy chế của Trường.

2. Trường được thỏa thuận với các cơ sở đào tạo khác để tổ chức giảng dạy những học phần học chung và công nhận kết quả học tập lẫn nhau.

3. Trường được tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

4. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần trình độ tiến sĩ

a) Căn cứ tình hình thực tế, TT.ĐTSDH xây dựng Kế hoạch tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp đảm bảo đáp ứng quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

b) Việc đánh giá và tính điểm học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ được áp dụng theo quy định về đánh giá và tính điểm học phần tại quy chế đào tạo trình độ đại học. Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ được đánh giá bằng hình thức bảo vệ có chấm điểm trước Tiểu ban. Điểm hoàn thành các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan là từ 7,0 trở lên theo thang điểm 10.

c) Các hoạt động thực hiện luận án: Sinh hoạt, báo cáo chuyên môn của NCS tại đơn vị chuyên môn, tham gia các hội nghị, hội thảo, các bài báo đã đăng tại hội nghị khoa học và tạp chí chuyên ngành, các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia và tiến độ thực hiện luận án tiến sĩ được đánh giá theo mức là “Đạt” hoặc “Không đạt”.

d) Các học phần trình độ tiến sĩ không đạt phải được thực hiện lại trong các học kỳ tiếp theo.

e) Các học phần bổ sung thuộc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và các học phần tiến sĩ do TT.ĐTSĐH xây dựng kế hoạch và đơn vị chuyên môn thực hiện.

f) Tổ chức đánh giá tiêu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ: Trên cơ sở đề xuất của đơn vị chuyên môn, TT.ĐTSĐH trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Tiểu ban đánh giá gồm 03 thành viên: Trưởng tiểu ban, thư ký và ủy viên. Tiêu chuẩn thành viên Tiểu ban: Các thành viên Tiểu ban phải có chức danh giáo sư/phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học/tiến sĩ, có ngành/chuyên ngành phù hợp, am hiểu những vấn đề có liên quan đến đề tài; Trưởng tiểu ban phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của Tiểu ban. Tiểu ban không tổ chức họp đánh giá nếu vắng mặt từ 01 thành viên trở lên.

Thông qua báo cáo (thời gian tối đa 30 phút) sau đó là thảo luận/trả lời câu hỏi, Tiểu ban sẽ đánh giá điểm chuyên đề tiến sĩ hoặc tiêu luận tổng quan. Điểm của các thành viên Tiểu ban được chấm theo thang điểm 10, có số lẻ đến một chữ số thập phân. Điểm của Tiểu ban đánh giá là trung bình cộng điểm các thành viên Tiểu ban có tham gia buổi đánh giá, được tính lẻ đến một chữ số thập phân.

Chênh lệch về điểm giữa các thành viên Tiểu ban không vượt quá 3,0 điểm hoặc không vượt quá 2,0 điểm so với điểm trung bình cộng của Tiểu ban. Nếu xảy ra trường hợp này thì Trưởng tiểu ban triệu tập cuộc họp giữa các thành viên Tiểu ban và thống nhất cách xử lý. Trường hợp không thống nhất được điểm cuối cùng, Trưởng tiểu ban là người quyết định.

Điều 10. Thay đổi trong quá trình đào tạo

1. NCS và người hướng dẫn được đề xuất với Trường về việc thay đổi đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, thay đổi đơn vị chuyên môn phụ trách và chuyên cơ sở đào tạo. Việc thay đổi phải kèm theo điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và bảo đảm thời gian đào tạo tuân thủ quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

2. NCS bị buộc thôi học trong những trường hợp sau:

a) Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Quy chế này;

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của NCS hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;

c) Vi phạm quy định của Trường ở mức độ buộc thôi học;

3. NCS được cho thôi học trong những trường hợp sau:

a) NCS không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

b) NCS có đơn đề nghị được Trường cho thôi học;

c) NCS hoàn thành các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ liên quan khác theo quy định của Trường.

4. Thay đổi tên đề tài luận án: Việc thay đổi tên đề tài luận án được thực hiện trong quá trình đào tạo và trước khi gửi lấy ý kiến phản biện độc lập luận án. Nếu tên đề tài luận án có thể được điều chỉnh theo đề nghị của hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn thì phải bảo đảm việc điều chỉnh này không làm thay đổi nội dung nghiên cứu chính của đề tài luận án.

5. Bổ sung và thay đổi người hướng dẫn: Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn (nếu có) phải được thực hiện chậm nhất 12 tháng trước khi kết thúc thời gian đào tạo chính thức theo quyết định công nhận NCS (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng.

6. Chuyển cơ sở đào tạo:

Khi có lý do chính đáng, NCS có thể đề nghị chuyển cơ sở đào tạo với điều kiện thời hạn học tập theo quy định còn ít nhất 12 tháng theo quyết định công nhận NCS và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ, được Trường đồng ý, được cơ sở chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận là NCS của cơ sở chuyển đến.

7. Rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập, nghiên cứu của NCS; các trường hợp bị buộc thôi học và quy trình, thủ tục cho NCS thôi học.

NCS được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu trong thời hạn quy định, NCS hoàn thành các thủ tục để lấy ý kiến của phản biện độc lập. Nếu NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định, NCS phải nộp đơn đề nghị gia hạn chậm nhất là 01 tháng trước khi hết hạn. Đơn đề nghị gia hạn phải có sự đồng ý của tập thể hướng dẫn, đơn vị chuyên môn, được gửi đến TT.ĐTSDH để trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định. Các quy định cụ thể về gia hạn như sau:

Điều kiện để được xét gia hạn: NCS đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

NCS có thể gia hạn một hoặc nhiều lần, nhưng tối thiểu mỗi lần gia hạn là 06 tháng. Thời hạn gia hạn tối đa là 24 tháng.

Trong thời gian này NCS phải theo học tập trung liên tục tại Trường.

NCS có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn.

Theo khoản 2 Điều 3 Quy chế này, NCS được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa dựa trên cơ sở: Kết quả học tập và nghiên cứu khoa học của NCS; Đề nghị của tập thể hướng dẫn; Ý kiến đánh giá, đề nghị của Hội đồng khoa học và Đào tạo của đơn vị chuyên môn.

Điều 11. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu

1. Kết quả học tập, nghiên cứu của NCS đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ được bảo lưu, xem xét công nhận, chuyển đổi trong những trường hợp sau:

a) NCS bị thôi học và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành;

b) NCS chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo;

c) NCS đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là NCS mới của Trường.

2. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của NCS phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Hội đồng chuyên môn. Trường hợp chuyển cơ sở đào tạo hoặc là NCS mới, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

3. Sau thời hạn 2 năm kể từ khi có quyết định thôi học, NCS sẽ không được bảo lưu kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

4. Thành phần Hội đồng chuyên môn: Hội đồng xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ được thành lập theo Quyết định của Hiệu trưởng, bao gồm: Chủ tịch, thư ký và các ủy viên, số lượng thành viên của Hội đồng và số lượng thành viên là ủy viên do Hiệu trưởng quyết định.

5. Quy trình công nhận và chuyển đổi kết quả học tập của NCS

Những học phần được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều này khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đáp ứng chuẩn đầu ra, yêu cầu về giảng viên, khối lượng học tập và các yêu cầu khác của học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ của Trường;

b) Điểm đánh giá học phần đạt từ điểm C trở lên theo thang điểm chữ, từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10 và từ 2,0 trở lên theo thang điểm 4; Điểm các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan là từ 7,0 trở lên theo thang điểm 10.

c) Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

d) Quy trình gồm các bước sau:

Bước 1: Đầu khóa học, căn cứ vào chương trình đào tạo, NCS làm đơn đề nghị xem xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ học phần đã tích lũy cùng các minh chứng nộp tại TT.ĐTSDH.

Bước 2: Họp Hội đồng xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ.

Bước 3: Hiệu trưởng ký quyết định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

Bước 4: Thông báo kết quả xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ cho NCS.

Bước 5: Nhập điểm học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho NCS vào hệ thống quản lý.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của NCS trong quá trình đào tạo

NCS có quyền và trách nhiệm sau:

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 60, Điều 61 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).
2. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại quyết định công nhận NCS, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với người hướng dẫn; thực hiện kế hoạch đã được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua; định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu cho đơn vị chuyên môn; đề xuất với người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.
3. Tham gia sinh hoạt khoa học tại đơn vị chuyên môn như một giảng viên trợ giảng, nghiên cứu viên cơ hữu; tham gia thực hiện các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu theo phân công của người hướng dẫn.
4. Tuân thủ quy định của Trường về liêm chính học thuật, bảo đảm kết quả công bố xuất phát từ nghiên cứu của cá nhân với sự hỗ trợ của người hướng dẫn; ghi nhận và trích dẫn đầy đủ sự tham gia của cá nhân, tập thể hoặc tổ chức khác (nếu có).
5. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy chế của Trường.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của đơn vị chuyên môn

Đơn vị chuyên môn có quyền và trách nhiệm sau:

1. Đề xuất người hướng dẫn NCS có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án.
2. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu chi tiết hằng năm của NCS; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu của NCS.
3. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho NCS; triển khai đánh giá luận án của NCS tại đơn vị chuyên môn; thông qua đề nghị cho NCS được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án của Trường.
4. Có các biện pháp quản lý và thực hiện quản lý chặt chẽ NCS trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu. Định kỳ 06 tháng một lần báo cáo Hiệu trưởng về tình hình học tập và nghiên cứu của NCS.
5. Xây dựng, rà soát, hiệu chỉnh và bổ sung chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ theo các quy định hiện hành của Trường về xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT trình độ tiến sĩ; về đánh giá, cải tiến CTĐT trình độ tiến sĩ.
6. Xem xét khả năng và triển vọng của NCS về chuyên môn, thông qua TT.ĐTSDH để trình Hiệu trưởng quyết định việc tiếp tục hoặc ngừng học tập đối với từng NCS.
7. Xem xét và đề nghị việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo.

8. Sử dụng danh mục các tạp chí khoa học, hội thảo ngành/chuyên ngành đã được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước thông qua năm gần nhất trước đó làm danh sách để NCS gửi công bố kết quả nghiên cứu của mình.

9. Đề xuất danh sách các nhà khoa học trong và ngoài Trường đáp ứng các tiêu chuẩn tham gia giảng dạy, đánh giá và hướng dẫn quy định tại Điều 4, Điều 5 của Quy chế này kèm theo danh mục các đề tài nghiên cứu, hướng và lĩnh vực nghiên cứu mà người hướng dẫn dự định nhận hướng dẫn NCS vào năm tuyển sinh. Đơn vị chuyên môn gửi danh sách và danh mục này đến TT.ĐTSĐH để trình Hiệu trưởng quyết định và công bố trên trang thông tin của TT.ĐTSĐH.

10. Giới thiệu danh sách thành viên tiêu ban chuyên môn đánh giá tiêu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ, Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ các cấp, gửi TT.ĐTSĐH trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập.

11. Giới thiệu danh sách các nhà khoa học trong và ngoài Trường có thể đảm nhiệm vai trò phản biện độc lập và khi đánh giá luận án cấp trường.

12. Phối hợp với TT.ĐTSĐH, tổ chức đánh giá tiêu luận tổng quan, các chuyên đề và luận án của NCS ở các cấp.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 14. Đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn

1. Việc đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn được tổ chức khi NCS đáp ứng đủ những yêu cầu sau:

- a) Đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo Tiến sĩ;
- b) Đã tổ chức Seminar tổng quan luận án;
- c) Có bản thảo luận án tiến sĩ được người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá ở đơn vị chuyên môn;
- d) Là tác giả chính của ít nhất 02 công trình khoa học thuộc một trong các danh mục sau: báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành. Các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.
- e) Đối với khối ngành kỹ thuật, công nghệ: trong các công trình khoa học được công bố phải có ít nhất 01 báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học mà NCS là tác giả chính công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus.

f) Các công trình khoa học yêu cầu tại điểm d, e khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng tác giả hoặc đồng tác giả của kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

g) Đơn vị chuyên môn xem xét và cho ý kiến về nội dung luận án, các bài báo cũng như các tài liệu khác liên quan tới chuyên môn về việc đồng ý hay không đồng ý cho phép NCS bảo vệ cấp đơn vị chuyên môn;

2. Đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn

a) Khi NCS đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, xét đề nghị của tập thể hướng dẫn, trưởng đơn vị chuyên môn đề xuất bằng văn bản đề nghị TT.ĐTSDH tiến hành các thủ tục và trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn.

b) Hội đồng đánh giá cấp đơn vị chuyên môn tối thiểu 05 thành viên gồm: Chủ tịch, phản biện, thư ký và các ủy viên. Những người thân (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) của NCS không được tham gia Hội đồng. Các nhà khoa học được mời nhận xét luận án phải có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS; có sự tham gia của các nhà khoa học ở trong và ngoài Trường, thành viên ngoài Trường tối thiểu 02 người. 01 người hướng dẫn NCS có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên; Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của NCS; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp trường. Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp trường khi có tối thiểu ba phần tư (3/4) số nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án).

c) Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

d) Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một (hoặc nhiều hơn) trong các trường hợp sau đây: Vắng mặt Chủ tịch hội đồng; Vắng mặt Thư ký hội đồng; Vắng mặt cán bộ nhận xét có ý kiến không tán thành luận án; Vắng mặt từ 02 thành viên hội đồng trở lên; NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

đ) Trường hợp phải tổ chức đánh giá luận án trực tuyến phải đảm bảo có ít nhất 03 thành viên hội đồng có mặt trực tiếp cùng NCS, trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp tổ chức trực tuyến phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ tại Trường.

e) Phiên họp đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn: Là một buổi sinh hoạt khoa học của đơn vị chuyên môn, các thành viên trong đơn vị và những người quan tâm có thể dự và góp ý kiến. Các nội dung chính trong phiên họp đánh giá bao gồm: Xem xét và kết luận tên đề tài có phù hợp với nội dung và mã số ngành/chuyên ngành, có trùng lặp với các tên đề tài đã bảo vệ hay không; Kết luận được về những điểm mới, đóng góp mới của luận án; Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án; Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn của luận án; tính khả thi của các đề xuất sử dụng kết quả nghiên cứu của luận án; Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi bảo vệ luận án cấp trường; Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án; Quyết định đồng ý cho phép NCS điều chỉnh tên đề tài luận án (nếu có); Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng; Kết luận đề nghị cho phép NCS bảo vệ cấp trường/Đề nghị NCS bảo vệ lại cấp đơn vị chuyên môn.

f) Quy trình bảo vệ luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn

Bước 1: NCS nộp cho đơn vị chuyên môn bản thảo luận án tiến sĩ, tóm tắt luận án và các công trình công bố, các minh chứng khoa học liên quan đến đề tài luận án của NCS và hồ sơ của NCS.

Hồ sơ của NCS (một bản chính và một bản sao) bao gồm: Đơn đề nghị đánh giá luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn; Bản nhận xét của tập thể hướng dẫn, bao gồm việc khẳng định chất lượng luận án, nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của NCS và chấp thuận cho NCS được đánh giá luận án tiến sĩ tại đơn vị chuyên môn; Lý lịch khoa học mới nhất, có xác nhận của địa phương hoặc cơ quan cử đi học; Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có công trình đồng tác giả); Chứng nhận kết quả các học phần đã hoàn thành trong chương trình đào tạo tiến sĩ của NCS;

Bước 2: TT.ĐTSĐH gửi bản thảo luận án, các bài báo và các tài liệu có liên quan khác để lấy ý kiến của đơn vị chuyên môn về việc đồng ý hay không đồng ý cho phép NCS bảo vệ cấp đơn vị chuyên môn.

Bước 3: Đơn vị chuyên môn cho ý kiến về việc đồng ý hay không đồng ý cho phép NCS bảo vệ cấp đơn vị chuyên môn.

Bước 4: Căn cứ vào đề nghị của đơn vị chuyên môn, TT.ĐTSĐH trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn.

Bước 5: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, TT.ĐTSĐH trực tiếp gửi giấy mời nhận xét luận án, luận án, tóm tắt luận án và các công trình công bố liên quan đến đề tài luận án của NCS đến các thành viên hội đồng. Bản nhận xét luận án được các thành viên Hội đồng đánh giá luận án gửi trực tiếp đến TT.ĐTSĐH.

Bước 6: TT.ĐTSĐH đề nghị ngày họp hội đồng đánh giá luận án sau khi nhận đủ các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án và chuyển hồ sơ cho Thư ký hội đồng gồm có: Các biểu mẫu biên bản dành cho

hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn; Các phiếu đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn.

Bước 7: Tổ chức bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn

Trình tự buổi bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn:

Đại diện TT.ĐTSĐH tuyên bố lý do, đọc Quyết định của Hiệu trưởng thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn, sau đó chuyển quyền điều khiển buổi bảo vệ cho Chủ tịch hội đồng;

Chủ tịch hội đồng công bố danh sách thành viên hội đồng có mặt, các điều kiện chuẩn bị cho buổi bảo vệ và công bố chương trình làm việc;

Thư ký hội đồng đọc lý lịch khoa học của NCS, nếu có ý kiến thắc mắc hay phản đối thì NCS sẽ giải trình trước Hội đồng;

NCS trình bày nội dung luận án;

Các ủy viên đọc nhận xét về luận án và đặt câu hỏi;

Thành viên Hội đồng và những người tham dự đặt câu hỏi hoặc góp ý về những kết quả đã đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được và những điểm cần bổ sung hoặc sửa chữa;

NCS trả lời các câu hỏi đã nêu ra và các ý kiến trao đổi;

Tập thể hướng dẫn nhận xét về tinh thần, thái độ của NCS trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện luận án tiến sĩ;

Thành viên Hội đồng đánh giá độc lập vào Phiếu đánh giá. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 01 trưởng ban và 02 ủy viên. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu, ghi biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu.

Hội đồng thảo luận để thông qua Nghị quyết của Hội đồng;

Thư ký hội đồng có nhiệm vụ lập biên bản đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn (ghi chi tiết nội dung thảo luận tại phiên họp, ghi rõ các câu hỏi và trả lời, thành phần ban kiểm phiếu, có chữ ký của chủ tịch và thư ký hội đồng) và quyết nghị của Hội đồng;

Chủ tịch hội đồng công bố quyết nghị của hội đồng, tuyên bố kết thúc và giải tán hội đồng.

g) Thủ tục sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn

Trong vòng 01 tuần sau ngày đánh giá, thư ký Hội đồng gửi về TT.ĐTSĐH: Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án; Biên bản họp Hội đồng đánh giá luận án; Biên bản kiểm phiếu đánh giá luận án; Các phiếu đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; Các bản nhận xét luận án.

Trong vòng 02 tháng sau ngày bảo vệ thành công luận án cấp đơn vị chuyên môn, NCS nộp về TT.ĐTSĐH hồ sơ để thực hiện quy trình phân biện độc lập trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường. Hồ sơ bao gồm: 02 bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa theo Quyết nghị của

Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, có chữ ký xác nhận của NCS, đại diện tập thể hướng dẫn, Thư ký và Chủ tịch Hội đồng; 03 quyển luận án đóng bìa mềm và 03 quyển tóm tắt luận án dùng cho phản biện độc lập, đã bổ sung và sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn và đã loại bỏ tất cả các thông tin liên quan đến NCS và tập thể hướng dẫn, kể cả danh sách các công trình đã công bố.

Trong trường hợp Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn kết luận không tán thành cho NCS bảo vệ luận án cấp trường: NCS cần bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng. Khi có xác nhận của người hướng dẫn khoa học, chủ tịch và thư ký hội đồng, NCS đề nghị Trường cho phép bảo vệ lại luận án cấp đơn vị chuyên môn nếu NCS chưa hết thời gian đào tạo. Việc tổ chức bảo vệ lại luận án phải tuân thủ đúng các quy định như lần bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn lần thứ nhất. Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn các lần bảo vệ lại phải đảm bảo theo tiêu chuẩn ở mục b, khoản 2 Điều này. Kinh phí tổ chức đánh giá lại do NCS chi trả.

Điều 15. Phản biện độc lập luận án

1. Phản biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án của NCS được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường. Chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm NCS hoàn thành thủ tục trình luận án sau khi đã được đơn vị chuyên môn thông qua, TT.ĐTSDH phải hoàn thành quy trình phản biện độc lập cho NCS; riêng trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

2. Luận án của NCS được gửi lấy ý kiến phản biện của 02 nhà khoa học hoặc chuyên gia không phải là viên chức/người lao động của Trường, có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 5 của Quy chế này. Người phản biện độc lập không có lợi ích liên quan trực tiếp tới NCS và người hướng dẫn; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với NCS; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp NCS về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và người hướng dẫn trong quá trình thực hiện luận án.

3. Việc phản biện độc lập phải đảm bảo khách quan và minh bạch. Ý kiến kết luận của người phản biện độc lập đối với luận án phải ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về chuyên môn. Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 02 người phản biện độc lập đồng ý. Nếu có 01 người phản biện không đồng ý, TT.ĐTSDH trình Hiệu trưởng quyết định gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 01 người phản biện độc lập khác làm căn cứ quyết định. Trong trường hợp 02 người phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, TT.ĐTSDH yêu cầu NCS và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

4. Thông tin về người phản biện độc lập được giữ kín đối với NCS và người hướng dẫn. Người phản biện độc lập không tiếp xúc hoặc yêu cầu NCS

cung cấp thông tin, giải trình ý kiến phản biện. Mọi liên hệ với người phản biện trong quá trình phản biện độc lập thuộc trách nhiệm của TT.ĐTSĐH. Những ý kiến giải trình của NCS được gửi về TT.ĐTSĐH và trình bày tại buổi bảo vệ luận án cấp trường.

5. Để đảm bảo yêu cầu bảo mật, Giám đốc TT.ĐTSĐH trực tiếp gửi giấy mời nhận xét luận án đến phản biện độc lập và yêu cầu phản biện độc lập gửi bản nhận xét tới đích danh người đã gửi giấy mời;

6. Xử lý các ý kiến nhận xét từ phản biện độc lập: Sau khi nhận được văn bản nhận xét của phản biện độc lập, TT.ĐTSĐH sao và chuyển văn bản nhận xét của phản biện độc lập cho NCS. Trên bản sao có ý kiến của TT.ĐTSĐH (nếu có) và đã loại bỏ các thông tin liên quan đến phản biện độc lập; NCS và tập thể hướng dẫn nghiên cứu kỹ các ý kiến của phản biện độc lập và viết bản giải trình chỉnh sửa theo ý kiến của các phản biện độc lập. Bản giải trình chỉnh sửa phải trình bày cụ thể: Phần nào, mục nào (ở trang bao nhiêu) đã được sửa chữa; Những ý kiến được bảo lưu và cần được trao đổi trong buổi bảo vệ cấp trường; Có chữ ký xác nhận của NCS, tập thể hướng dẫn và TT.ĐTSĐH.

Khi luận án đã đáp ứng được các quy định về phản biện độc lập tại điều này, TT.ĐTSĐH sẽ tiến hành các thủ tục đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường.

Điều 16. Đánh giá luận án cấp trường

1. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ để được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp trường:

a) Là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của NCS, thể hiện NCS có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể;

b) Đạt quy trình phản biện độc lập;

c) Tuân thủ quy định về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liêm chính học thuật; minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của NCS và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Điều kiện đề nghị đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường

Điều kiện để NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường: Luận án của NCS được đơn vị chuyên môn đề nghị được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường; Luận án của NCS được các phản biện độc lập quy định tại Điều 15 của Quy chế này đồng ý về chất lượng chuyên môn; Tuân thủ các quy định về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liêm chính học thuật; minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của NCS và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ; NCS không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

3. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường gồm hồ sơ do NCS chuẩn bị: Toàn văn luận án; Tóm tắt luận án; Văn bản đồng ý của các đồng tác giả qui định tại mục c, khoản 1, Điều 16 Quy chế này (nếu có); Bản giải trình tiếp thu ý kiến của các phản biện độc lập; Lý lịch khoa học của NCS; và hồ sơ do TT.ĐTSĐH chuẩn bị: Văn bản của đơn vị chuyên môn đề nghị cho phép NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường; Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ; Quyết định công nhận NCS và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có); Bản nhận xét của 02 phản biện độc lập; những tài liệu khác theo quy định của Trường.

4. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường quy định chi tiết về tiêu chuẩn và nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường, bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng tối thiểu có 05 người, trong đó, số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 02 người; số thành viên ngoài Trường tối thiểu là 02 người;

b) Thành phần Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, các ủy viên phản biện và ủy viên khác, trong đó có 01 phản biện là người của Trường và 01 phản biện là người ngoài Trường; phản biện không được là đồng tác giả với NCS trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án; chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án, là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Trường; 01 người hướng dẫn NCS có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên;

c) Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính quy định tại Điều 5 của Quy chế này trừ thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 4 của Quy chế này;

d) Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của NCS không tham gia Hội đồng.

5. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án của NCS đạt quy trình phản biện độc lập, Trường phải tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án. Việc tổ chức buổi đánh giá luận án cho NCS do Trường quyết định bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Thời gian, địa điểm tổ chức buổi đánh giá luận án, tóm tắt luận án được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường/TT.ĐTSĐH (trừ trường hợp đánh giá luận án theo chế độ mật);

b) Không tổ chức buổi đánh giá luận án khi thành viên Hội đồng có mặt dưới 05 người hoặc vắng mặt quá 01 người; hoặc vắng mặt Chủ tịch Hội đồng; vắng mặt Thư ký Hội đồng; vắng mặt ủy viên phản biện có ý kiến không tán thành luận án; số ủy viên phản biện có ý kiến không tán thành luận án quá 01 người; NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

c) Trường hợp Trường tổ chức đánh giá luận án trực tuyến phải bảo đảm có ít nhất 03 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp cùng NCS; trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Mọi thủ tục chuẩn bị tổ chức buổi đánh giá luận án do TT.ĐTSDH thực hiện; NCS và người hướng dẫn không tiếp xúc hoặc liên hệ với các thành viên Hội đồng trước buổi đánh giá luận án.

6. Hội đồng phải bỏ phiếu và quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn. Diễn biến của buổi đánh giá luận án được ghi biên bản; trong trường hợp tổ chức trực tuyến phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ tại Trường, cụ thể:

a) Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai. Những đề tài liên quan tới bí mật quốc gia được tổ chức bảo vệ theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này;

b) Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín: Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu đồng ý hoặc không đồng ý. Phiếu trắng được coi là phiếu không đồng ý; Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá bỏ phiếu không đồng ý.

c) Hội đồng phải ra Quyết nghị, trong đó nêu rõ: kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án và yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; kết luận của Hội đồng về việc thông qua hoặc không thông qua luận án; kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho NCS trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua.

d) Diễn biến của buổi đánh giá luận án được ghi biên bản. Biên bản buổi đánh giá luận án cấp trường được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng. Trong trường hợp tổ chức trực tuyến phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và biên bản phải được chuyển cho các thành viên trong Hội đồng xác nhận.

e) Sau khi NCS hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo quyết nghị của Hội đồng (nếu có) và có văn bản giải trình chi tiết về các điểm đã bổ sung sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng có trách nhiệm kiểm tra lại luận án và ký xác nhận vào văn bản báo cáo của NCS để lưu lại tại TT.ĐTSDH. Chỉ sau khi hoàn tất thủ tục sửa chữa này NCS mới được phép nộp luận án cho Thư viện Quốc gia Việt Nam và Thư viện của Trường.

7. Hiệu trưởng quyết định thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án: Hoặc vì lý do bất khả kháng (đi công tác nước ngoài dài hạn, đi công tác liên

quan đến an ninh quốc phòng, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng); hoặc khi thành viên Hội đồng không đảm bảo các quy định tại khoản 2 Điều này.

Các thời hạn quy định, liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

8. Quy trình tổ chức bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường

Bước 1: NCS nộp các hồ sơ theo Khoản 6 Điều này;

Bước 2: Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường cho NCS.

Bước 3: TT.ĐTSDH chịu trách nhiệm chuyển giấy mời, quyền luận án, tóm tắt luận án, tuyển tập các công trình đã công bố cho các thành viên hội đồng trong vòng 07 ngày (kể từ ngày ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường).

Bước 4: TT.ĐTSDH có trách nhiệm công bố các thông tin liên quan đến luận án tiến sĩ trên trang Web của Trường/TT.ĐTSDH ngay sau khi có quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường.

Bước 5: Khi nhận đủ các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, TT.ĐTSDH thông báo tới Chủ tịch Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án lấy ý kiến các ủy viên Hội đồng và quyết định thời gian họp Hội đồng và gửi văn bản đề nghị này về TT.ĐTSDH (Nghiêm cấm NCS tham gia vào quá trình tổ chức Hội đồng).

Bước 6: TT.ĐTSDH chịu trách nhiệm công bố thông tin về buổi bảo vệ luận án cấp trường trên trang Web của Trường/TT.ĐTSDH trong thời gian quy định.

Bước 7: TT.ĐTSDH gửi giấy mời họp Hội đồng đánh giá luận án cấp trường cho các thành viên hội đồng, khách mời tham dự, đại diện cơ quan công tác của NCS.

Bước 8: TT.ĐTSDH chuyển hồ sơ bảo vệ cho Thư ký Hội đồng, bao gồm: Các biểu mẫu biên bản dành cho Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, các phiếu đánh giá luận án cấp trường, các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, hồ sơ của NCS được quy định tại khoản 6 Điều này.

Bước 9: Thư ký hội đồng tổng hợp nội dung của các bản nhận xét luận án. Trên cơ sở nội dung các bản nhận xét luận án của ủy viên phản biện và của các thành viên khác trong Hội đồng kèm nội dung của luận án, Thư ký Hội đồng chuẩn bị bản dự thảo quyết nghị của Hội đồng được quy định tại mục c khoản 4 Điều này để hội đồng thảo luận khi họp riêng.

Bước 10: Tổ chức phiên họp đánh giá luận án cấp trường cho NCS.

9. Trình tự phiên bảo vệ luận án cấp trường:

Bước 1: Đại diện TT.ĐTSDH tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường của Hiệu trưởng, chuyển quyền điều khiển cho Chủ tịch Hội đồng;

Bước 2: Chủ tịch Hội đồng công bố danh sách thành viên hội đồng (có mặt/vắng mặt), các điều kiện chuẩn bị cho buổi bảo vệ và công bố chương trình làm việc;

Bước 3: Thư ký hội đồng đọc lý lịch khoa học của NCS, nếu có ý kiến thắc mắc hay phản đối thì NCS sẽ phải giải trình trước hội đồng;

Bước 4: NCS trình bày luận án;

Bước 5: Các thành viên trong Hội đồng nhận xét luận án và đặt câu hỏi;

Bước 6: Những người tham dự đặt câu hỏi hoặc góp ý về những kết quả đã đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được và những điểm cần bổ sung hoặc sửa chữa (nếu có);

Bước 7: NCS trả lời các câu hỏi và giải trình các ý kiến của thành viên hội đồng và những người tham dự;

Bước 8: Tập thể hướng dẫn nhận xét về tinh thần, thái độ của NCS trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện luận án tiến sĩ;

Bước 9: Hội đồng họp kín, từng thành viên Hội đồng viết phiếu đánh giá. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 01 trưởng ban và 02 ủy viên. Ban kiểm phiếu làm nhiệm vụ, có biên bản kiểm phiếu;

Bước 10: Dựa vào nhận xét của các thành viên, nội dung thảo luận tại phiên họp và biên bản kiểm phiếu, hội đồng thảo luận để đưa ra quyết nghị;

Bước 11: Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng công bố quyết nghị của Hội đồng.

Thư ký Hội đồng ghi biên bản hội đồng đánh giá luận án cấp trường (chi tiết nội dung thảo luận tại phiên họp, ghi rõ phần câu hỏi và trả lời, thành phần ban kiểm phiếu (có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng)). Trường hợp tổ chức trực tuyến thì Biên bản phải được gửi tới từng thành viên Hội đồng để xác nhận.

Trong vòng 02 tuần sau buổi bảo vệ luận án cấp trường, Thư ký Hội đồng gửi về TT.ĐTSDH các giấy tờ sau: Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường (02 bản); Biên bản Hội đồng đánh giá luận án cấp trường (02 bản); Biên bản kiểm phiếu (02 bản); Phiếu đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; Hồ sơ đã nhận từ TT.ĐTSDH; Danh sách thành viên Hội đồng (có chữ ký); Bản nhận xét của các thành viên Hội đồng.

Điều 17. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Trường phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận NCS, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo minh chứng và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. NCS thực hiện những đề tài luận án được xác định là mật phải đáp ứng những yêu cầu chung đối với NCS, riêng các yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 14 của Quy chế này có thể thay thế bằng những báo cáo nội bộ có giá trị về khoa học và thực tiễn của lĩnh vực nghiên cứu được Trường xác nhận.

Điều 18. Đánh giá lại luận án tiến sĩ cấp trường

1. Trong trường hợp luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất, Trường quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức cho NCS được bảo vệ luận án lần thứ hai.

2. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

3. Quy trình, thủ tục đánh giá luận án lần thứ hai tương tự như lần thứ nhất quy định tại Điều 16, Điều 17 của quy chế này. Thành phần hội đồng đánh giá cấp trường lần thứ hai có tối thiểu 03 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất, trong đó có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành luận án.

Điều 19. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

1. NCS được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Luận án của NCS đã được Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo đồng ý thông qua;

b) NCS đã nộp cho TT.ĐTSĐH và Trung tâm thư viện (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

c) NCS đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Nhà trường.

2. TT.ĐTSĐH đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của NCS trên trang thông tin điện tử của Trường và của TT.ĐTSĐH (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng kể từ khi NCS đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Nhà trường tổ chức xét và ban hành quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho NCS.

4. TT.ĐTSĐH lập hồ sơ xét công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ, bao gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án cấp trường;

b) Quyết nghị đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án;

d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn NCS; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án (nếu có);

e) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;

f) Minh chứng đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của NCS trên trang thông tin điện tử của Trường và của TT.ĐTSDH;

g) Giấy biên nhận đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính và thư viện Trường;

h) Các tài liệu khác theo quy định của Trường (nếu cần).

5. Nhà trường thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho NCS trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

Chương V

KIỂM TRA HỒ SƠ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ THẨM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN

Điều 20. Nguyên tắc chọn kiểm tra, thẩm định và quy trình thực hiện

1. Việc kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo, thẩm định chất lượng luận án do Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện trong những trường hợp sau:

a) Kiểm tra, thẩm định ngẫu nhiên theo yêu cầu của công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này và những quy định có liên quan;

b) Kiểm tra, thẩm định đối với những trường hợp cụ thể khi có phản ánh, khiếu nại hoặc tố cáo.

2. Danh mục hồ sơ kiểm tra, thẩm định:

a) Kiểm tra quá trình đào tạo: Hồ sơ dự tuyển và quyết định công nhận NCS; hồ sơ buổi đánh giá luận án cấp trường; hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ;

b) Thẩm định chất lượng luận án: Luận án tiến sĩ; tóm tắt luận án tiến sĩ; bản sao các công bố kết quả nghiên cứu của NCS.

3. Quy trình kiểm tra, thẩm định:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần kiểm tra quá trình đào tạo hoặc thẩm định chất lượng luận án trên cơ sở báo cáo định kỳ của Trường;

b) TT.ĐTSDH báo cáo Hiệu trưởng và gửi 01 bộ hồ sơ đối với kiểm tra quá trình đào tạo hoặc 03 bộ hồ sơ đối với thẩm định chất lượng luận án về Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành kiểm tra, thẩm định và có văn bản thông báo kết quả với Trường trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi

nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 21. Xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định

1. Kết quả kiểm tra, thẩm định đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do TT.ĐTSDH cung cấp đủ minh chứng bảo đảm việc tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và quy trình tổ chức đánh giá luận án đáp ứng yêu cầu trong quy định đào tạo tiến sĩ của Trường.

b) Chất lượng luận án được tối thiểu 02 trong 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, với chuyên môn phù hợp, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của NCS thẩm định và có ý kiến đồng ý về chuyên môn.

2. Kết quả kiểm tra, thẩm định không đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do Trường cung cấp không đủ minh chứng đáp ứng những quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo tiến sĩ của Trường;

b) Chất lượng luận án không được 02 trong 03 nhà khoa học thẩm định đồng ý về chuyên môn.

3. Đối với những trường hợp hồ sơ kiểm tra quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu, Trường có trách nhiệm giải trình những vấn đề liên quan, bổ sung minh chứng và đề xuất hướng xử lý với Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định hiện hành.

4. Đối với những trường hợp chất lượng luận án không đạt yêu cầu:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án để xem xét, đánh giá và quyết nghị về chất lượng luận án; ủy quyền cho Trường tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Hội đồng thẩm định có 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 03 thành viên không là phản biện độc lập hoặc thành viên Hội đồng đánh giá luận án; những nhà khoa học thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này là thành viên đương nhiên của Hội đồng;

c) Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này;

d) Hội đồng thẩm định luận án chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án;

đ) Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng thẩm định luận án có mặt trở lên không thông qua. Trong trường hợp này, Trường tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 09 người, trong đó chủ

tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của cả hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

5. Trường hợp quá trình đào tạo và chất lượng luận án sau khi thực hiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này vẫn không đạt yêu cầu, Hiệu trưởng xem xét, quyết định thực hiện theo các phương án sau:

a) Nếu NCS chưa được cấp bằng tiến sĩ, Hiệu trưởng cho phép NCS bổ sung, hoàn thiện các điều kiện để được cấp bằng (đối với trường hợp kiểm tra quá trình đào tạo) trong thời gian đào tạo ghi tại quyết định công nhận NCS và bao gồm cả thời gian được phép kéo dài (nếu có); hoặc được đánh giá lại luận án nếu chưa đánh giá lần thứ hai (đối với trường hợp thẩm định chất lượng luận án) trong thời hạn tối đa 06 tháng;

b) Nếu NCS đã được cấp bằng tiến sĩ, việc thu hồi bằng được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp: hồ sơ quá trình đào tạo được xác nhận có vi phạm, sai sót nghiêm trọng dẫn đến người được cấp bằng không còn bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển, công nhận NCS và duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng trong quá trình học tập và nghiên cứu tại Trường; sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án và bị Hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định của Quy chế này; luận án của NCS không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này.

6. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả kiểm tra, thẩm định cuối cùng hoặc ngày có kết quả cuộc họp đối thoại, Trường có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định kèm theo minh chứng.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 22. Xây dựng và thực hiện quy chế của Trường

1. Căn cứ Quy chế này và những quy định hiện hành khác có liên quan, TT. ĐTSĐH và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy chế của Trường; cụ thể hóa với yêu cầu ngang bằng hoặc cao hơn nhưng không trái với những quy định của Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành;

b) Thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

c) Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 41 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung

năm 2018);

d) Tăng cường liên chính học thuật; giám sát và kiểm soát việc chống sao chép; xây dựng chế tài, nghiêm túc xử lý khi có vi phạm; bảo đảm tính trung thực của nội dung những luận án tiến sĩ được đánh giá tại Trường;

đ) Xây dựng chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

e) Có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra hằng năm việc thực hiện quy định này về tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng trình độ tiến sĩ;

f) Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho NCS trước khi bắt đầu khóa học quy định này và những quy định liên quan khác đến quá trình học tập, nghiên cứu; quy định về quyền và trách nhiệm của NCS;

g) Tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế này và các nhiệm vụ khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo và cấp bằng ở trình độ tiến sĩ; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

2. Trường thực hiện giải trình theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. Trường có trách nhiệm:

a) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật dữ liệu về đào tạo tiến sĩ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học bao gồm: thông tin tuyển sinh; thông tin của NCS; thông tin của giảng viên và người hướng dẫn; thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến đào tạo tiến sĩ; thông tin về cấp bằng tiến sĩ; tóm tắt và toàn văn luận án hoàn chỉnh của NCS đã nộp thư viện Quốc gia Việt Nam;

b) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ tuyển sinh và quá trình đào tạo và cấp văn bằng của NCS theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, TT.ĐTSĐH báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách NCS đã bảo vệ và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án cấp trường trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục III); thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm (theo mẫu tại Phụ lục IV) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. TT.ĐTSĐH chịu trách nhiệm công khai trên trang thông tin điện tử của Trường trước khi tuyển sinh và tổ chức đào tạo:

a) Quy chế của Trường và các quy định quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ;

b) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ

Giáo dục và Đào tạo và những thông tin khác theo quy định.

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

Việc tổ chức đào tạo đối với những khóa đã tuyển sinh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 505/QĐ-ĐHCN ban hành Quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

HIỆU TRƯỞNG 



Trần Đức Quý

Phụ lục I**KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NCS**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1202/QĐ-ĐHCN ngày 28 tháng 12 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Họ và tên NCS:.....

Tên đề tài:.....

Ngành đào tạo:.....

Mã ngành đào tạo:.....

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	<i>Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có)</i>	<i>10 - 12 tín chỉ</i>	<i>Chứng nhận kết thúc học phần</i>
	<i>Các học phần về phương pháp nghiên cứu</i>	<i>04 -06 tín chỉ</i>	<i>Chứng nhận kết thúc học phần</i>
Năm thứ 2	<i>Thực hiện phần 1 của Luận án</i>	<i>đến 24 tín chỉ</i>	<i>Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu,...</i>
Năm thứ 3	<i>Thực hiện phần 2 của Luận án</i>	<i>đến 30 tín chỉ</i>	<i>Luận án và các bài công bố,...</i>
Năm thứ 4	<i>Thực hiện phần 3 của Luận án</i>	<i>Số tín chỉ còn lại của chương trình 04 năm</i>	<i>Luận án và các bài công bố,...</i>

Lưu ý: Phần in nghiêng là ví dụ về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Kế hoạch cụ thể của NCS được xây dựng căn cứ vào quy định của cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo tiến sĩ đã công bố.

**Phụ lục II
DANH SÁCH**

**Một số chứng chỉ tiếng nước ngoài minh chứng
cho trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1202/QĐ-ĐHCN ngày 28 tháng 12 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)*

Stt	Ngôn ngữ	Bảng/Chứng chỉ/ Chứng nhận	Trình độ/ Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКН-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Phụ lục III
MẪU BÁO CÁO
DANH SÁCH NCS BẢO VỆ LUẬN ÁN CÁC THÁNG TRONG NĂM
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1202/QĐ-ĐHCN ngày 28 tháng 12 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

DANH SÁCH NCS ĐÃ BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ
(Tháng năm)

STT	Họ và tên NCS	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Tên đề tài	Ngành, mã số	Ngày bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá của cơ sở đào tạo	Kết quả đánh giá	Ghi chú
1							
2							

Lãnh đạo cơ sở đào tạo

(Ký tên và đóng dấu)

II. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn NCS

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Chức danh khoa học (GS/PGS)	Trình độ	Mã số CCCD/ Hộ chiếu hướng dẫn	Số lượng công bố khoa học trong vòng 05 năm ³	Thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ	Danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú hoặc Nghệ sĩ Nhân dân
1										
2										

III. Danh sách các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo gắn với hoạt động đào tạo NCS

STT	Tên đề tài	Cấp phê duyệt	Thời gian thực hiện	Tên NCS tham gia

IV. Tôn tại, hạn chế (nếu có)

V. Nguyên nhân và giải pháp khắc phục

VI. Kiến nghị của cơ sở đào tạo

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, SDH.

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

¹ Thứ tự NCS được sắp xếp theo nhóm các khoá tuyển sinh.

² Ghi thời gian theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá (VD: 2021-2024).

³ Thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước đánh giá 0,75 điểm công trình trở lên